

**DANH SÁCH KẾT QUẢ TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2018  
CỦA CÁC ĐƠN VỊ GIÁO DỤC QUẬN 5 - KHỐI MẦM NON**

| STT | Mã số hồ sơ | Họ               | Tên   | Năm sinh |            | Môn dự tuyển | Trường đăng ký dự tuyển | Văn bằng | Chuyên ngành | Kết quả xét tuyển |
|-----|-------------|------------------|-------|----------|------------|--------------|-------------------------|----------|--------------|-------------------|
|     |             |                  |       | Nam      | Nữ         |              |                         |          |              |                   |
| 1   | Q5.MN.015   | Trần Kim         | Anh   |          | 11/02/1994 | GVMN         | Mầm non 4               | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |
| 2   | Q5.MN.042   | Lê Ngọc          | Anh   |          | 04/08/1996 | GVMN         | MN Hòa Mi 3             | CĐ       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 3   | Q5.MN.009   | Nguyễn Hoàng     | Điệp  |          | 31/05/1980 | GVMN         | Mầm non 6               | CĐ       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 4   | Q5.MN.005   | Lưu Đặng Ngọc    | Giàu  |          | 02/11/1996 | GVMN         | MN Sơn Ca               | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 5   | Q5.MN.023   | Võ Thị Xuân      | Hiền  |          | 03/04/1982 | GVMN         | Mầm non 14A             | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |
| 6   | Q5.MN.035   | Võ Thị Kim       | Hiếu  |          | 15/09/1994 | GVMN         | Mầm non 2A              | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 7   | Q5.MN.010   | Tạ Thị           | Hồng  |          | 09/07/1986 | GVMN         | Mầm non 9               | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |
| 8   | Q5.MN.034   | Nguyễn Thị Ngọc  | Huyền |          | 01/03/1997 | GVMN         | Mầm non 9               | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |
| 9   | Q5.MN.004   | Nguyễn Gia       | Khánh |          | 04/01/1997 | GVMN         | MN Sơn Ca               | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |
| 10  | Q5.MN.013   | Hồ Thị Tiểu      | Linh  |          | 20/11/1992 | GVMN         | Mầm non 9               | CĐ       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 11  | Q5.MN.027   | Huỳnh Thị Cẩm    | Loan  |          | 08/04/1988 | GVMN         | Mầm non 10              | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 12  | Q5.MN.030   | Nguyễn Thị Hồng  | Lụa   |          | 27/05/1996 | GVMN         | Mầm non 10              | TC       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 13  | Q5.MN.038   | Nguyễn Thị Thanh | Mai   |          | 17/12/1995 | GVMN         | Mầm non 14A             | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |



| STT | Mã số hồ sơ | Họ              | Tên    | Năm sinh |            | Môn dự tuyển | Trường đăng ký dự tuyển | Văn bằng | Chuyên ngành | Kết quả xét tuyển |
|-----|-------------|-----------------|--------|----------|------------|--------------|-------------------------|----------|--------------|-------------------|
|     |             |                 |        | Nam      | Nữ         |              |                         |          |              |                   |
| 14  | Q5.MN.024   | Nguyễn Kim      | Ngân   |          | 27/08/1986 | GVMN         | Mầm non 12              | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |
| 15  | Q5.MN.032   | Nguyễn Thị Kim  | Ngoan  |          | 22/01/1980 | GVMN         | Mầm non 2A              | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |
| 16  | Q5.MN.031   | Cao Thị Cẩm     | Nhung  |          | 28/06/1996 | GVMN         | Mầm non 9               | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 17  | Q5.MN.007   | Nguyễn Lan      | Phương |          | 06/11/1995 | GVMN         | Mầm non 1               | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 18  | Q5.MN.043   | Trần Yến        | Phương |          | 14/09/1992 | GVMN         | Mầm non 10              | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 19  | Q5.MN.019   | Nguyễn Thị Hồng | Phương |          | 30/10/1989 | GVMN         | MN Sơn Ca               | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 20  | Q5.MN.033   | Nguyễn Thị      | Phượng |          | 10/02/1995 | GVMN         | Mầm non 5A              | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 21  | Q5.MN.026   | Lê Thị Hồng     | Phượng |          | 21/02/1995 | GVMN         | Mầm non 5B              | CĐ       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 22  | Q5.MN.014   | Mai Thị Thu     | Sương  |          | 26/06/1994 | GD đặc biệt  | Chuyên biệt Tương lai   | CĐ       | GD đặt biệt  | Trúng tuyển       |
| 23  | Q5.MN.006   | Lê Thị Huyền    | Thanh  |          | 03/03/1982 | GVMN         | Mầm non 6               | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 24  | Q5.MN.046   | Lê Thị Thu      | Thảo   |          | 20/10/1997 | GVMN         | Mầm non 1               | CĐ       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 25  | Q5.MN.017   | Lê Thị Thu      | Thảo   |          | 15/10/1996 | GVMN         | MN Sơn Ca               | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |
| 26  | Q5.MN.047   | Trần Minh Anh   | Thơ    |          | 05/12/1995 | GVMN         | Mầm non 6               | CĐ       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 27  | Q5.MN.037   | Mai Thị Minh    | Thư    |          | 25/01/1991 | GVMN         | Mầm non 2A              | CĐ       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 28  | Q5.MN.008   | Lê Duy Ngọc     | Thùy   |          | 18/11/1980 | GVMN         | MN Sơn Ca               | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 29  | Q5.MN.011   | Nguyễn Thị Cẩm  | Tiên   |          | 24/08/1998 | GVMN         | Mầm non 2B              | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |



| STT | Mã số hồ sơ | Họ                | Tên   | Năm sinh |            | Môn dự tuyển | Trường đăng ký dự tuyển | Văn bằng | Chuyên ngành | Kết quả xét tuyển |
|-----|-------------|-------------------|-------|----------|------------|--------------|-------------------------|----------|--------------|-------------------|
|     |             |                   |       | Nam      | Nữ         |              |                         |          |              |                   |
| 30  | Q5.MN.018   | Huỳnh Thị Ngọc    | Trâm  |          | 16/04/1978 | GVMN         | Mầm non 10              | CD       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 31  | Q5.MN.002   | Trịnh Thùy        | Trang |          | 15/09/1995 | GVMN         | Mầm non 9               | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 32  | Q5.MN.049   | Nguyễn Thị Mai    | Trinh |          | 11/12/1991 | GVMN         | Mầm non 14A             | CD       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 33  | Q5.MN.048   | Lê Mộng           | Tuyền |          | 18/01/1993 | GVMN         | Mầm non 6               | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |
| 34  | Q5.MN.040   | Trình Thị Bích    | Vân   |          | 15/10/1985 | GVMN         | Mầm non 9               | CD       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 35  | Q5.MN.022   | Trần Thị Lệ       | Xuân  |          | 09/01/1996 | GVMN         | Mầm non 1               | TC       | SPMN         | Trúng tuyển       |
| 36  | Q5.MN.025   | Trương Như        | Ý     |          | 12/02/1988 | GVMN         | Mầm non 10              | ĐH       | GDMN         | Trúng tuyển       |
| 37  | Q5.MN.028   | Nguyễn Thị Phương | Yến   |          | 28/05/1995 | GVMN         | Mầm non 4               | CD       | GDMN         | Trúng tuyển       |



TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thanh Hải



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5  
Trương Canh Ba